

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNN-KHTC

Hà Tĩnh, ngày tháng 12 năm 2020

Vv báo cáo trả lời chất vấn trực tiếp
Đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ
18, HĐND tỉnh khóa XVII

Kính gửi:

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thừa ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin báo cáo trả lời nội dung câu hỏi chất vấn trực tiếp của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh gửi đến kỳ họp thứ 18 HĐND tỉnh khóa XVII, như sau:

Câu hỏi 1: *Ngập lụt ở Hà Tĩnh vừa qua gây thiệt hại nặng ở nhiều địa bàn, nhất là các huyện Cẩm Xuyên, Thạch Hà và thành phố Hà Tĩnh. Đề nghị UBND tỉnh cho biết nguyên nhân, đặc biệt là nguyên nhân chủ quan, làm rõ trách nhiệm và giải pháp khắc phục trước mắt và căn bản trong thời gian tới.*

Trả lời:

1. Tổng quan về tình hình mưa lũ thời gian qua

Trong tháng 10/2020, tỉnh ta liên tiếp xảy ra các đợt mưa lũ lớn, đặc biệt là đợt mưa lũ lịch sử từ ngày 15 đến ngày 21/10/2020 đã gây thiệt hại nặng cho nhiều địa phương, nhất là các huyện Cẩm Xuyên, Thạch Hà và thành phố Hà Tĩnh.

a. Đợt mưa lũ từ ngày 15 đến ngày 21/10/2020

Do ảnh hưởng của áp cao lạnh lục địa kết hợp với rìa Bắc dải hội tụ nhiệt đới nên toàn tỉnh Hà Tĩnh có mưa to đến rất to, có nơi đặc biệt to. Lượng mưa đo được tại các trạm khí tượng thủy văn từ 7h ngày 15/10 đến 17h ngày 21/10/2020: Vùng núi phía Tây và khu vực phía Bắc tỉnh có lượng mưa phổ biến từ 240-530mm¹; riêng một số vùng có lượng mưa lớn như: thành phố Hà Tĩnh 1.383,6 mm; Cẩm Nhượng 1.142 mm; tại đầu mối hồ Kẻ Gỗ là 1.249 mm; xã Kỳ Thượng 1.956mm. Mưa lũ đã gây ngập lụt 118/216 xã, phường, thị trấn; với 52.604 hộ/167.303 người bị ảnh hưởng.

b. Mưa lũ từ 25/10 đến 30/10 (ảnh hưởng bão số 9)

Do ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 9 và không khí lạnh tăng cường kết hợp với nhiều động đới gió đông trên cao nên toàn tỉnh có mưa to, có nơi mưa rất to. Lượng mưa đo được tại các trạm thủy văn từ 7h ngày 28/10 đến 07h ngày 01/11/2020 phổ biến từ 230mm đến 500 mm, riêng thành phố Hà Tĩnh có lượng mưa cao nhất tỉnh (697,1mm). Mưa lũ đã gây ngập lụt 46 xã của 07 huyện, với

¹ Lượng mưa tại trạm Hương Khê 443 mm; Chu Lễ 523 mm; Hương Sơn 243 mm; Sơn Diệm 238 mm; Linh Cảm 327 mm.

8.317 hộ bị ảnh hưởng.

* Theo đánh giá của cơ quan khí tượng thủy văn tỉnh, đợt mưa từ ngày 15/10 đến 21/10/2020 tại thành phố Hà Tĩnh đã lập **04 giá trị cao nhất trong lịch sử**: (i) Lượng mưa trong 24h lớn nhất 854mm²; (ii) lượng mưa lớn kéo dài liên tục trong thời gian 53h25 phút là 1.100mm; (iii) mưa trong một đợt có tổng lượng mưa lớn nhất (1.384mm); (iv) tháng 10/2020 có tổng lượng mưa tháng lớn nhất từ trước đến nay (2.387mm)³.

Chỉ trong 06 ngày (15/10 đến ngày 21/10/2020) tổng lượng mưa đo được tại thành phố Hà Tĩnh đạt 52% tổng lượng mưa cả năm TBNN (1.384/2.650mm).

2. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- Trước mùa mưa lũ năm 2020, UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT-TPCN tỉnh Sở chuyên ngành đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện kiểm tra, đánh giá hiện trạng các hồ chứa để có phương án khắc phục xử lý; lập Phương án phòng chống TT-TPCN cho các công trình hồ đập thẩm định phê duyệt theo quy định để tổ chức thực hiện...

- Khi nhận được tin dự báo của cơ quan khí tượng thủy văn về cảnh báo mưa lũ lớn sẽ ảnh hưởng đến tỉnh ta; chiều ngày 13/10/2020, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì cuộc họp khẩn cấp, trực tuyến đến tận cấp xã để triển khai công tác ứng phó.

- Về công tác chỉ đạo điều hành xả lũ hồ Kẻ Gỗ: Trước diễn biến bất thường của mưa lũ, các ngày 18,19/10/2020 đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh, đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Ban chỉ huy PCTT-TPCN tỉnh, Sở Nông nghiệp - PTNT đã trực tiếp lên tại đầu mối hồ Kẻ Gỗ để chỉ đạo; Ban chỉ huy PCTT và TPCN tỉnh đã báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ đã cử đoàn chuyên gia đầu ngành⁴ vào tận công trình để giúp tỉnh tính toán, xây dựng các kịch bản điều tiết xả lũ. Trên cơ sở kịch bản xả lũ các chuyên gia đưa ra, đã được lãnh đạo các cơ quan chuyên môn của Bộ và lãnh đạo UBND tỉnh Hà Tĩnh thống nhất phương án vận hành xả lũ. Căn cứ các kịch bản, Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Hà Tĩnh để tổ chức vận hành điều tiết hồ Kẻ Gỗ.

3. Công tác vận hành điều tiết các hồ chứa

a. Hồ Kẻ Gỗ

- Quy trình vận hành hồ chứa: Quy trình vận hành hồ Kẻ Gỗ được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 37/2011/QĐ-UBND ngày 23/12/2011; theo đó vận hành trong mùa lũ được quy định: Mức nước hồ cao nhất ở cuối các tháng trong mùa lũ được giữ như sau: 30/IX, *mức nước cao nhất được giữ là +27,97m*; 15/X, *mức nước cao nhất +29,50m*; 31/X, *mức nước cao nhất +30,50m*; 15/XI, *mức nước cao nhất +31,50m*; 30/XI, *mức nước cao nhất +32,0m*; 31/XII, *mức nước cao nhất +32,50m*.

² Lớn hơn lượng mưa 24h năm 2010 là 212 mm.

³ Cao hơn lượng mưa tháng cao nhất lịch sử trước đây xảy ra vào tháng 10/1983 là 339mm.

⁴ Gồm các đơn vị: Tổng cục PCTT, Tổng cục Thủy lợi, Trường Đại học Thủy lợi

- Quá trình vận hành xả lũ hồ Kẻ Gỗ: Mức nước hồ Kẻ Gỗ lúc 7h ngày 15/10 là (+25,80m), thấp hơn ngưỡng tràn xả lũ 0,7m (ngưỡng tràn xả lũ hồ Kẻ Gỗ là +26,5m); lúc 6h ngày 17/10 là (+26,62m) cao hơn ngưỡng tràn xả lũ 0,12m; lúc 6h ngày 18/10 là (+29,13m). Mức nước hồ tại thời điểm mở tràn 13h ngày 18/10 là (+30,70m) tương đương $Wh = 293,20$ triệu m^3 ; mức nước tại thời điểm cao nhất (lúc 11h30' ngày 19/10) trong quá trình xả lũ (+33,80m) tương đương $Wh = 384$ triệu m^3 . Hồ xả lũ bắt đầu từ 13h ngày 18/10/2020 với lưu lượng tăng dần từ $50m^3/s$ lên $200m^3/s$, $400m^3/s$... và lưu lượng xả lớn nhất $1.060 m^3/s$ (bằng 41,7% lưu lượng đỉnh lũ là $2.539m^3/s$) và mức xả này chỉ duy trì trong thời gian 01 giờ (từ 9h đến 10h ngày 19/10/2020) sau đó giảm dần. Trong đợt mưa này tổng lượng nước đến hồ hơn 280 triệu m^3 và quá trình điều tiết hồ Kẻ Gỗ đã tham gia giảm lũ cho hạ du với lượng nước hơn 200 triệu m^3 ; cắt được một phần lưu lượng đỉnh lũ thời điểm cao nhất ($2.539 m^3/s$) không xả về hạ du.

b. Các hồ chứa khác: Ngoài hồ Kẻ Gỗ còn có 09 hồ khác có tràn xả sâu, các đơn vị khai thác công trình đã tổ chức vận hành xả lũ theo quy trình, với lưu lượng xả từ 50 đến $911m^3/s$. Hồ Ngàn Trươi bắt đầu xả tràn từ ngày 27/10/2020, lưu lượng xả cao nhất $352m^3/s$ (lúc 7h, ngày 30/10); hồ Sông Rác bắt đầu xả tràn từ ngày 18/10/2020, lưu lượng xả cao nhất cao nhất $400 m^3/s$ (lúc 16h30' ngày 19/10); hồ Hồ Hồ bắt đầu xả tràn từ 9h ngày 16/10/2020, lưu lượng xả cao nhất $911 m^3/s$ (lúc 19h ngày 16/10); hồ Bộc Nguyên xả tràn cao nhất $100 m^3/s$ (lúc 9h ngày 19/10); hồ Khe Xai xả tràn lớn nhất $55m^3/s$ (lúc 10h ngày 19/10).

4. Về nguyên nhân gây ngập lụt lớn

- Do mưa lớn cục đoạn (mưa lịch sử) như phân tích ở phần 01.
- Do ảnh hưởng của thủy triều: Vùng hạ du hồ Kẻ Gỗ trong các ngày từ 15 đến 20/10/2020 thủy triều có 02 lần nước lớn, 02 lần nước ròng trong 01 ngày, đỉnh triều và chân triều cao nên ảnh hưởng lớn đến việc tiêu thoát lũ⁵.
- Hệ thống tiêu thoát lũ chưa đáp ứng yêu cầu: Do việc phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội, như các công trình giao thông, xây dựng, dân sinh,... và sự bồi lắng dòng dẫn tiêu thoát lũ,...
- Hồ Kẻ Gỗ phải điều tiết xả lũ để đảm bảo an toàn cho công trình khi mực nước hồ đang lên nhanh và ở thượng nguồn đang có mưa rất to.

* Việc tổ chức vận hành điều tiết xả lũ hồ Kẻ Gỗ vừa qua là đúng quy định, có các kịch bản điều tiết linh hoạt ứng phó phù hợp với mưa lũ. Việc chỉ đạo, điều hành có sự thống nhất từ Bộ Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Ban CH PCTT-TKCN tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND tỉnh. Tuy vậy, trước diễn biến bất thường của thời tiết cần phải soát xét lại các giải pháp an toàn hồ chứa, an toàn hạ du nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Giải pháp khắc phục

⁵ Ngày 18/10/2020, đỉnh triều xuất hiện vào lúc 1h là +2,6m, lúc 14h là +2m; chân triều xuất hiện lúc 8h và 19h là +1,4m. Ngày 19/10/2020 đỉnh triều xuất hiện vào lúc 2h là +2,9m, lúc 13h là +1,9m; chân triều xuất hiện lúc 9h là +1,6m và lúc 20h là +1,1m (chân triều những ngày này cao hơn so với chân triều ngày 1 cơn nước là 0,6-1m). (số liệu lịch triều tại trạm Cửa Hội)

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 18/11/2020 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục hậu quả thiên tai năm 2020.

- Đối với công trình và vùng hạ du hồ Kẻ Gỗ:

(1)+ Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có Quyết định số 3244/QĐ-BNN-KH ngày 20/8/2020 giao Ban Quản lý Đầu tư và XD Thủy lợi 4 thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ hạ du Kẻ Gỗ, UBND tỉnh sẽ phối hợp chặt chẽ với Bộ để sớm triển khai thực hiện dự án Tăng cường khả năng thoát lũ vùng hạ du Kẻ Gỗ⁶, bao gồm: Nghiên cứu, đánh giá tổng thể về an toàn công trình, an toàn hạ du và cấp nước phục vụ các nhu cầu, trên cơ sở xác định nhu cầu sử dụng nước, điều kiện khí tượng thủy văn và đặc điểm vùng hạ du để có giải pháp công trình tăng khả năng phòng lũ cho hồ chứa, tăng cường tiêu thoát lũ và giảm ngập cho vùng hạ du; nâng cao khả năng dự báo, cảnh báo lũ sớm, đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho Nhân dân vùng hạ du.

(2) + UBND tỉnh phối hợp với các bộ, ngành Trung ương xúc tiến sớm triển khai việc lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án phòng, chống lũ đảm bảo an toàn cho Thành phố Hà Tĩnh trong điều kiện biến đổi khí hậu⁷.

(3) + Rà soát, đánh giá lại quy trình vận hành hồ chứa trên cơ sở nhu cầu dùng nước hiện nay và tình hình khí tượng thủy văn cực đoan thời gian gần đây do ảnh hưởng của BĐKH để bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp.

(4) + Bổ sung, hiện đại hóa hệ thống giám sát vận hành; thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn đập và vùng hạ du; thiết bị quan trắc chuyên dùng trên lưu vực hồ chứa.

Câu hỏi 2: *Việc chọn lựa, cải tạo, du nhập giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng cao, có hiệu quả trong sản xuất nhưng chưa đạt hiệu quả; một số địa phương chưa có bộ giống cây trồng chủ lực. Đề nghị UBND tỉnh cho biết nguyên nhân, những giải pháp để nâng cao chất lượng giống cây trồng, vật nuôi trong thời gian tới.*

Trả lời:

Xác định giống, khoa học công nghệ là giải pháp trọng tâm trong thực hiện Đề án Tái cơ cấu, tổ chức lại sản xuất để tạo đột phá cho phát triển nông nghiệp; tỉnh ta đã tập trung chỉ đạo, ưu tiên cao nguồn lực, các cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích việc chọn lọc, cải tạo, du nhập các loại giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng cao, tạo hiệu quả trong sản xuất, qua đó đã góp phần tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu mùa vụ sản xuất trên các lĩnh vực. Để làm rõ hơn ý kiến của đại biểu, xin báo cáo cụ thể như sau:

I. Về việc chọn lựa, cải tạo, du nhập giống cây trồng và bộ giống cây trồng chủ lực:

⁶ Ngay sau đợt mưa lũ, UBND tỉnh đã có Văn bản số 402/BC-UBND ngày 6/11/2020 về việc báo cáo tình hình công tác ứng phó, thiết hại và khắc phục hậu quả do mưa lũ; Văn bản số 7833/UBND-NL1 ngày 24/11/2020 đề nghị Thủ tướng Chính phủ quan tâm bố trí nguồn vốn và chỉ đạo Chủ đầu tư cho triển khai thực hiện đầu tư ngay dự án Tăng cường khả năng thoát lũ vùng hạ du Kẻ Gỗ.

⁷ Văn bản số 10018/VPCP-NN ngày 30/11/2020 của Văn phòng Chính phủ.

1. Kết quả, hiệu quả đạt được:

1.1. Thứ nhất đối với giống lúa:

- Từ năm 2012 đến nay, tỉnh ta tập trung chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống để thích ứng với biến đổi khí hậu. Về cơ bản đã chuyển hẳn từ sản xuất vụ Đông Xuân truyền thống sang sản xuất vụ Xuân, tiếp tục sản xuất vụ Hè Thu đảm bảo an toàn, né tránh bão lũ cuối vụ. Gần 90% chủng loại giống lúa sản xuất được cả 2 vụ trong năm, khoảng 10% loại giống chỉ sản xuất vụ Xuân cho các vùng đặc thù tập trung ở các vùng không chủ động thủy lợi.

- Về bộ giống chủ lực: Để đáp ứng yêu cầu sản xuất, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nghiên cứu của trung ương, các doanh nghiệp có uy tín và tiềm lực về chọn tạo và sản xuất giống đưa vào địa bàn tỉnh các giống có tiềm năng về năng suất, chất lượng, chống chịu tốt với bệnh đạo ôn trong vụ Xuân, bệnh bạc lá trong vụ Hè. Sau khi đã được khảo nghiệm thành công tại Trung tâm khảo nghiệm giống Quốc gia được đưa vào tỉnh ta khảo nghiệm sản xuất, sản xuất thử để đánh giá tính thích ứng với các vùng, tiểu vùng sinh thái, qua đó đã lựa chọn được nhiều giống mới có chất lượng (như: BT09, ADI168, LP5, QP5, Lam Sơn 8, TBR279, Syn 98, Ly2099, Lai thơm 6, Thái Xuyên 111) để bổ sung vào cơ cấu. Đồng thời, phục tráng các giống đã thích ứng qua nhiều năm (như Khang dân 18, Xuân mai, P6 ...) để trở thành giống phổ biến cho toàn tỉnh. Kết quả đến năm 2020, có 40 giống được đưa vào cơ cấu sản xuất với các phương án tổ chức sản xuất khác nhau để các địa phương lựa chọn phù hợp với từng vùng sinh thái, theo 5 nhóm sau:

(1) - Nhóm giống năng suất cao: Bao gồm các giống lúa lai như: Nhị ưu 838, Thái Xuyên 111, BTE1, TH3-3, TH3-5, Ly2099, Syn98,...

(2) - Nhóm giống năng suất cao, chất lượng phù hợp với thị hiếu như: DQ11, BQ, ADI168, VTNA6, LP5, QP5, TH8,....

(3) - Nhóm giống chất lượng như: P6, Hương thơm số 1, Bắc thơm số 7, BT09, Bắc thịnh, Bắc hương 9, HN6, RVT, J02, ST24, ST25, DT39,... Giống lúa P6 đã góp phần xây dựng thương hiệu gạo Đức Thọ.

(4) - Nhóm giống phục vụ chế biến như: Khang dân 18, Khang dân đột biến, Xuân mai, Nếp 98, Nếp 87, DT45,...

(5) - Nhóm giống khắc phục điểm yếu về địa hình, nguồn nước (vùng tứ địa) của một số huyện, như Lộc Hà, Nghi Xuân, Kỳ Anh như XT28, Xi23, NX30.

Trong thời gian qua, cũng đã đưa ra khỏi cơ cấu sản xuất vụ Xuân 03 giống nhiễm nặng sâu bệnh, đặc biệt là bệnh đạo ôn và bạc lá (gồm: Thiên ưu 8, Bắc thơm 7, Bte1) và có 01 giống do đặc điểm sinh học không phù hợp với khí hậu nóng ẩm (dễ nảy mầm trên bông) N25. Các giống dài ngày như IR1820, IR17494 (còn gọi là 13/2) đã chuyển đổi mùa vụ không còn phù hợp nên đưa ra khỏi cơ cấu sản xuất.

Như vậy, Bộ giống lúa hiện nay cơ bản đáp ứng với sản xuất toàn tỉnh, xét trên các tiêu chí về ứng với khí hậu, thổ nhưỡng, tập quán canh tác, thị trường tiêu thụ,... Đặc biệt, nhóm giống chất lượng giá bán cao hơn bình quân thị trường

20-30%, diện tích gieo cấy hàng năm đạt khoảng 30.000 ha, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất; cùng với mô hình phá bỏ bờ vùng, ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn tạo tiền đề cho tập trung đất đai, hình thành chuỗi liên kết sản xuất hàng hóa quy mô lớn thời gian tới.

1.2. Đối với giống cây ăn quả: Hàng năm, các cơ sở giống cây ăn quả có múi trên địa bàn tỉnh sản xuất khoảng 300.000 cây giống/năm, chủ yếu tập trung tại các cơ sở lớn như: DNTN Tân Thanh Phong, Trại Trùng Bạt, Trại giống bưởi Phúc Trạch, Công ty TNHH Vườn ươm Việt,... Bên cạnh đó, các hộ sản xuất tự chiết, ghép cây giống để phục vụ nhu cầu nông hộ. Cơ bản giống các loại cây ăn quả đáp ứng về số lượng và chất lượng cho người sản xuất. Ngoài ra, cũng đã du nhập một số giống có hiệu quả, gồm: *Giống cam: Cam V2, Cam lòng vàng chín sớm, Quýt Phủ Quy góp phần rải vụ sản xuất. Giống bưởi: Bưởi da xanh, bưởi diễm, bưởi Thanh Hà. Giống ổi Đài Loan, giống xoài Thái Lan, ...*

1.3. Đối với giống cây hàng năm:

- Giống lạc: Sử dụng giống L14 chủ lực thay thế các giống địa phương như lạc cúc, lạc mỡ, lạc chùm, đồng thời khảo nghiệm sản xuất, trình diễn các giống lạc mới để đưa vào sản xuất như L20, L26, L27, TB25, TK10.

- Giống ngô: Sử dụng tập đoàn giống ngô lai như: CP3Q, CP511, PAC789, NK7328, NK4300, NK6253, P4311, P4354, B9034, CP111, LVN669, MX4, MX10, HN68, HN88,... Khẳng định đây là nhóm giống có năng suất cao, chất lượng phù hợp sản xuất các vùng trong tỉnh kể cả sản xuất ngô lấy hạt, ngô sinh khối và ngô nếp lấy bắp tươi.

- Giống rau củ quả: Rau cải, xà lách, bí xanh, bí đỏ, dưa chuột, đậu đỗ, cà chua, rau gia vị,... một số giống rau, củ, quả ngắn ngày như dưa hấu, dưa lê, dưa lưới đã đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung của ngành trồng trọt.

1.4. Đối với giống cây lâm nghiệp: Hiện nay, chủ yếu là giống cây keo phục vụ trồng rừng sản xuất nguyên liệu; tập trung ở 06 cơ sở sản xuất giống⁸, với quy mô trên 12 triệu cây/năm. Một số loại giống cây Keo có năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu bệnh tốt đã được đưa vào sản xuất, gồm: Keo lai các dòng BV10, BV16, BV32, BV71. Đến nay, năng suất bình quân rừng trồng khai thác đạt 80 m³/ha (cho chu kỳ trồng rừng 05 năm), tăng trên 23% so với 2011.

2. Mặc dù đạt được kết quả quan trọng, hiện nay công tác giống cây trồng đang đứng trước khó khăn, thách thức lớn với một số nguyên nhân chủ yếu:

- Biến đổi khí hậu ngày càng sâu sắc, khó dự báo, các hiện tượng cực đoan của thời tiết như: nắng nóng kéo dài, rét đậm, rét hại, mưa lũ, sâu bệnh đã ảnh hưởng đến sản xuất và công tác giống.

(Thí dụ: Thiên ưu 8 là giống lúa có năng suất cao, chất lượng phù hợp nhưng do nhiễm nặng sâu bệnh từ vụ Xuân 2017, từ đó đến nay phải đưa ra khỏi cơ cấu vụ Xuân; Giống Bắc thơm số 7 chất lượng tốt nhưng nhiễm nặng bệnh bạc lá cũng phải đưa ra khỏi cơ cấu; dẫn đến một số vùng có diện tích gieo cấy nhiều các loại giống

⁸ như: huyện Kỳ Anh (HTX giống cây trồng NN và vật nuôi Đức Hồng, Ban quản lý RPH Nam Hà Tĩnh), huyện Hương Khê (DNTN Tân Thanh Phong), huyện Hương Sơn (Công ty TNHH Bảo Lâm), huyện Cẩm Xuyên (Ban Quản lý KBTTN Kê Gỗ);...

này có thời điểm hụt hẫng khi xác định giống thay thế. Hoặc tâm lý khi chuyển sang vụ Xuân, giống IR1820 có thời gian sinh trưởng dài đã tồn tại trong sản xuất gần 40 năm thì cử tri nhiều địa phương vẫn có ý kiến)

- Sản xuất nông nghiệp nhìn chung vẫn manh mún, phân tán, sản xuất quy mô nhỏ, canh tác truyền thống nông hộ, tập quán dân tự để giống còn phổ biến (năm 2015 là 75% tự để giống, hiện nay cân đối với nguồn cung ứng trong vụ Xuân khoảng 60% tự để giống; vụ Hè Thu khoảng 80%) dẫn đến giống nhanh thoái hóa, chất lượng, phẩm cấp hạt giống giảm, ảnh hưởng đến năng suất chung.

- Hà Tĩnh có đa dạng các vùng sinh thái, việc bố trí cơ cấu giống không đồng nhất, một số giống lúa có tiềm năng năng suất cao (tập trung nhóm lúa lai trong và ngoài nước) nhưng khi vào sản xuất diện rộng gặp khó khăn do yếu tố giá giống và trình độ thâm canh, năng lực đầu tư thâm canh của người dân.

- Nhóm giống lúa hiện nay phổ biến trong sản xuất, chủ yếu chọn tạo trong nước thời gian lưu hành theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không quá 10 năm. Tập trung là các giống ngắn ngày để thích ứng với biến đổi khí hậu, vì vậy đòi hỏi kỹ thuật canh tác và điều kiện sản xuất nghiêm ngặt hơn các nhóm giống dài ngày, giống địa phương dẫn đến tâm lý sản xuất của người dân bước đầu khó khăn, cần có thời gian để thích ứng với kỹ thuật mới.

3. Nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới:

Từ những kết quả đạt được trong thời gian qua và nhận rõ những khó khăn thách thức trong công tác giống xác định: Công tác giống (bao gồm: Khảo nghiệm, đánh giá) và xác định cơ cấu giống là thường xuyên biến động. Đây là việc làm thường xuyên từ các cơ quan quản lý, khoa học và cơ sở sản xuất để việc lựa chọn cơ cấu bộ giống phù hợp từng vùng miền ngày càng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu sản xuất. Định hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới như sau:

3.1 Về định hướng: Lựa chọn các giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với vùng sinh thái, biến đổi khí hậu; đáp ứng yêu cầu nông nghiệp sản xuất hàng hóa, phù hợp với thị hiếu tiêu dùng; góp phần nâng cao giá trị, hiệu quả trên đơn vị diện tích, thúc đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới.

3.2. Về nhiệm vụ, giải pháp tổ chức thực hiện:

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan chủ trì, các huyện, thành phố, thị xã chủ động phối hợp với các đơn vị nghiên cứu, chuyển giao của Trung ương: Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam, Viện Cây lương thực và cây thực phẩm, Viện nghiên cứu rau quả trung ương, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia,... để chuyển giao tiếp nhận các tiến bộ kỹ thuật mới về giống các loại cây trồng, lưu giữ giống gốc, phục tráng các giống có tiềm năng và thích ứng đã ổn định. Đồng thời tạo mọi điều kiện, kết nối các doanh nghiệp có tiềm lực sản xuất, kinh doanh giống trong và ngoài tỉnh để chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới, làm phong phú nhóm giống để thuận lợi cho quá trình đánh giá, lựa chọn bổ sung vào cơ cấu của tỉnh những giống tốt.

- Đẩy mạnh phong trào phá bỏ bờ vùng, bờ thửa, tập trung tích tụ ruộng đất, xây dựng cánh đồng lớn theo hướng sản xuất “1 giống, 1 thời vụ, 1 quy trình canh

tác”. Khuyến khích liên kết, cung ứng tổ chức sản xuất, gắn với thu mua, bao tiêu sản phẩm, sản xuất theo đơn đặt hàng.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp kỹ thuật:

+ Tiếp tục thực hiện Đề án về giống cây trồng đã ban hành, Luật Trồng trọt và các văn bản hiện hành (*như Nghị định 94/2019/CP-CP hướng dẫn một số điều Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác, Thông tư 48/2011/TT-BNNPTNT về việc ban hành Quy chuẩn Quốc gia khảo nghiệm giống cây trồng*).

+ Xây dựng các đơn vị chủ đạo về sản xuất, cung ứng giống trên đại bàn.

+ Quản lý chất lượng giống và công tác khảo nghiệm đánh giá giống theo quy chuẩn Quốc gia.

+ Đối với những giống đã ổn định nhiều năm, tiến hành phục tráng và lưu giữ giống gốc (phối hợp với cơ quan Trung ương, Công ty chủ đạo trên địa bàn tỉnh thực hiện).

- Trước thời vụ sản xuất hàng năm, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và ban hành kịp thời các Đề án sản xuất mùa vụ để các địa phương xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện.

- Về tổ chức thực hiện:

+ *Sở Nông nghiệp và PTNT*: Thực hiện công tác quản lý nhà nước về công tác giống trên địa bàn, đúng quy định; quản lý chặt chẽ các doanh nghiệp có giống khảo nghiệm, trình diễn trên địa bàn; phối hợp với các địa phương xây dựng cơ cấu giống cho toàn tỉnh; theo dõi đánh giá tính thích ứng của các giống sản xuất trên địa bàn, đưa ra khỏi cơ cấu những giống có biểu hiện thoái hóa, năng suất chất lượng không đảm bảo, nhiễm sâu bệnh đồng thời bổ sung vào cơ cấu những giống có tiềm năng năng suất, chất lượng thích ứng với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng Hà Tĩnh.

+ *Các huyện, thành phố, thị xã*: Chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện công tác quản lý nhà nước về giống cây trồng. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và hệ thống khuyến nông cơ sở phối hợp với các doanh nghiệp sản xuất và cung ứng giống tổ chức trình diễn, khảo nghiệm sản xuất, theo dõi đánh giá các giống sản xuất trên địa bàn; đề xuất loại bỏ những giống có biểu hiện thoái hóa, nhiễm sâu bệnh, đề xuất bổ sung vào cơ cấu những giống có triển vọng phù hợp với điều kiện sinh thái, thổ nhưỡng của địa phương.

II. Về việc chọn lựa, cải tạo, du nhập giống vật nuôi:

1. Về kết quả đạt được:

1.1. Lĩnh vực Chăn nuôi: Từ năm 2011, thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã xác định nhóm vật nuôi chủ lực của tỉnh gồm: lợn, bò, hươu; đồng thời tập trung chỉ đạo, ban hành chính sách để du nhập và cải tạo đàn giống có năng suất, hiệu quả cao, phù hợp với điều kiện sản xuất của tỉnh. Đến nay, công tác giống chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đã đạt được kết quả:

- Giống lợn: Tổng đàn nái hơn 42.000 con, với nhu cầu con giống gần 01 triệu con/năm thì đàn nái trên địa bàn tỉnh hiện nay đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu con giống. Về cơ cấu giống thì nái ngoại chiếm trên 55% (năm 2011 chỉ đạt 7,5%), nái lai (nái nội x nái ngoại) chiếm trên 40%. Đã xây dựng được hệ thống 39 cơ sở sản xuất giống lợn có quy mô từ 300 con lợn nái ngoại, số lượng hơn 20.500 con, hàng năm

cung cấp con giống chất lượng cho nhu cầu sản xuất. Các cơ sở đã sử dụng giống cấp ông bà, bố mẹ có nguồn gốc, chất lượng, với các giống như Landrace, YorkShire, Duroc, PiDu, ...; tạo con giống thương phẩm có 3 hoặc 4 máu ngoại, bên cạnh đó ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nâng cao năng suất sinh sản, hiệu quả chăn nuôi. Nhờ việc thay đổi cơ cấu giống trong sản xuất nên năng suất, sản lượng tăng; năm 2020 sản lượng thịt lợn đạt 72.389 tấn, gấp 1,7 lần so với 2011.

- Giống bò: Hàng năm thực hiện có hiệu quả chương trình Zê bu hóa và nâng cao chất lượng đàn bò theo hướng tăng tỷ lệ máu ngoại, sử dụng tinh các giống bò thịt chất lượng cao nhập ngoại vào sản xuất (nhóm bò Zêbu, Charolais, Droughtmaster, BBB, Red Angus) để cải tạo tầm vóc đàn bò; bình quân đạt trên 20.000 con/năm. Đến nay tỷ lệ bò lai đạt trên 56% (năm 2011 đạt 30%), tầm vóc đàn bò được nâng lên rõ rệt, nhiều địa phương đã hình thành các mô hình chăn nuôi thâm canh, đưa lại hiệu quả kinh tế khá cao như Can Lộc, Lộc Hà, Đức Thọ, Cẩm Xuyên Năm 2020 sản lượng thịt bò đạt trên 10.000 tấn, tăng 24% so với 2011.

- Giống hươu: Hươu là vật nuôi đặc hữu của Hà Tĩnh. Giống hươu cơ bản đang được người dân nuôi giữ, chọn lọc; trong thời gian qua đàn hươu khá cao, năm 2020 đàn hươu hơn 37.000 con, tăng 33% so 2011.

- Giống gia cầm: Đã được du nhập, đưa vào sản xuất đại trà các tổ hợp lai gà nội, gà ngoại, các giống tiến bộ kỹ thuật phù hợp với mục đích sản xuất như các giống chuyên thịt, chuyên trứng và kiêm dụng. Tổng đàn, sản lượng gia cầm tăng nhanh, đạt trên 9,2 triệu con (tăng gấp 1,8 lần so năm 2011), sản lượng thịt tăng gấp 2,9 lần.

1.2. Lĩnh vực Thủy sản: Hiện nay, các loài giống thủy sản chất lượng cao được lựa chọn và du nhập vào phục vụ nuôi trồng, gồm: Tôm thẻ chân trắng; các loại cá có giá trị kinh tế cao (cá Diêu hồng, cá rô phi Quý Long, Cá Chép giòn, Trắm giòn, cá Hồng Mỹ, cá Chim vây vàng, cá vVọc, cá Bống bóp, cá Đồi mược...); giống nhuyễn thể (ốc hương, hào Thái Bình Dương,...). Hàng năm các cơ sở sản xuất giống tôm trên địa bàn sản xuất cung ứng ra thị trường từ 300-500 triệu con giống; các trại cá nước ngọt sản xuất cung ứng khoảng 40-50 triệu giống cá các loại.

2. Giải pháp để nâng cao chất lượng giống vật nuôi thời gian tới:

2.1. Lĩnh vực chăn nuôi:

- Tạo điều kiện thu hút, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất giống để cung ứng con giống năng suất, chất lượng tốt, an toàn dịch bệnh cho người dân;

- Khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất giống đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất như về giống, thức ăn, quản lý, công tác phòng, chống dịch bệnh tại cơ sở;

- Thực hiện tốt các quy định về quản lý giống vật nuôi theo Luật Chăn nuôi và các quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

2.2. Lĩnh vực Thủy sản: Tiếp tục duy trì, phát huy hiệu quả sản xuất của các trại sản xuất giống tôm, thủy sản hiện có để chủ động nguồn cung ứng giống tại chỗ, kiểm soát tốt hơn chất lượng con giống cung ứng ra thị trường. Thu hút đầu tư, khuyến khích đầu tư trại sản xuất giống mới; khuyến khích du nhập lòng ghép các loài giống mới, tiên tiến, phù hợp với điều kiện tự nhiên Hà Tĩnh.

Trên đây là nội dung trả lời câu hỏi chất vấn trực tiếp của Đại biểu tại Kỳ họp thứ 18, HĐND tỉnh khoá XVII, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân, các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Giám đốc, các Phó GD Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Việt